Ngày thực hiện : 26/09/2024 **TUẦN 3**

**TOÁN – Tiết 14 Tia số - Số liền trước, số liền sau ( Tiết 1)**

***I. Yêu cầu cần đạt:***

## ***\*Kiến thức, kĩ năng:***

## - Nhận biết được tia số.

## - Xác định được số trên tia số.

## - So sánh được các số dựa trên tia số.

## - Làm quen số liền trước, số liền sau, nhận biết quan hệ (lớn hơn, bé hơn) giữa số liền trước và số liền sau qua các trường hợp cụ thể.

## - Xác định được số liền trước, số liền sau trên tia số.

## ***\*Năng lực, phẩm chất:***

## - Năng lực: Tư duy và lập luận toán học, sử dụng công cụ, phương tiện học toán, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

## - Phẩm chất: Chăm chỉ học tập

## \*Tích hợp: Toán học và cuộc sống; TN & XH

**II. Chuẩn bị:**

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có); Tia số, thẻ từ dùng cho bài tập 2.

- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV; thước thẳng có vạch chia thành từng xăng-ti-mét.

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***TG*** | ***HOẠT ĐỘNG CỦA GV*** | ***HOẠT ĐỘNG CỦA HS*** | ***HTĐB*** |
| ***3’*** | **A. KHỞI ĐỘNG :**-HS bắt bài hát- HD nhóm hai HS dùng thước thẳng và bút chì vẽ giấy một đoạn thẳng dài 10 cm (một bạn vẽ, một bạn kiểm tra).-GV vào bài | **-**HS hát-HS vẽ |  |
| ***16’*** | **B. BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH :*****Hoạt động 1: Giới thiệu tia số***- GV hướng dẫn HS quan sát các hình ảnh trong SGK (trang 28) để nhận biết:+Tính từ dưới lên, số khối lập phương lần lượt là 0, 1,2,3, ... , 12.+1 khối lập phương tương ứng với đoạn thẳng từ 0 đến 1.+2 khối lập phương tương ứng với đoạn thẳng từ 0 đến 2……+ 12 khối lập phương tương ứng với đoạn thẳng từ 0 đến 12.+ 0 khối lập phương tươiig úng với điểm 0. Đoạn thẳng từ 0 tới 7 tương ứng với 7 khối lập phương.Đoạn thẳng từ 0 tới 10 tương ứng với 10 khối lập phương.-GV giới thiệu: (gắn hoặc vẽ tia số lên bảng lớp)+ Người ta đã dùng tia số (chỉ vào hình) để biểu thị các số.+Tia số có các vạch cách đều nhau, mỗi vạch biểu thị một điểm thể hiện cho một số. Tia số bắt đầu từ số 0, cuối cùng có mũi tên.+Trên tia số, mỗi số khác 0 lớn hơn các số bên trái và bé hơn các số bên phải của nó+Nhiều khi tia số dài quá nên người ta chỉ vẽ một phần của tia số (HS quan sát hình ảnh các tia số trong phần thực hành - SGK trang 29).- HS đọc các số trên tia số phần bài học.- GV chọn một vài cặp số liền nhau trên tia số, yêu cầu HS dùng các từ “số liền trước, số liền sau” để nóiVí dụ: Số liền trước của 8 là 7. Số liền sau của 7 là 8. | -HS quan sát, nhận biết-HS đọc-HS nêu |  |
| ***14’*** | ***Hoạt động 2: Thực hành******Bài 1:***- HS đọc cá nhân, đọc cho bạn bên cạnh nghe; đọc cả lớp nghe.- Khi sửa bài, GV khuyến khích HS giải thích cách làm.Ví dụ: a) GV chỉ vào dấu hỏi ở vị trí số 9 và hỏi: số mấy? (9)Tại sao? (HS có thể trả lời theo các cách khác nhau: 8 rồi tới 9; số liền sau của 8 là 9).-GV nhận xét, sữa chữa | - HS nêu yêu cầu bài tập.-HS trả lời-HS khác nhận xét, bổ sung. |  |
|  | ***Bài 2:***- Mỗi HS, tay trái chỉ vào số 37, tay phải chỉ vào số 40 và nói:1. bé hơn 40, 40 lớn hơn 37.

-GV hướng dẫn HS nhìn vào tia số để so sánh số.-Khi sửa bài, khuyến khích HS giải thích cách làm dựa vào nhận xét trên.- GV nhận xét ,bổ sung | - HS nêu yêu cầu bài tập.-HS làm cá nhân-HS khác nhận xét |  |
|  | ***Bài 3:***- GV hướng dẫn HS chơi theo nhóm đôi: +GV viết số bất kì lên bảng lớp. Ví dụ: 24. +Tổ 1 và tổ 2: viết thêm số liền trước của số đó vào bảng con. (24 23)+Tổ 3 và tổ 4: viết thêm số liền sau của số đó vào bảng con. (24 25)+ Viết thêm dấu vào để so sánh hai số. Ví dụ: 24 > 23 hoặc 24 < 25.-GVcho HS chơi:+A: Viết số tuỳ thích.+B : Viết số liền trước hoặc số liền sau của số bạn A vừa viết.- GV cho vài nhóm đưa bảng lên trước lớp, cả lớp đọc và nhận xét.-HS nhận biết số liền trước bé hơn số liền sau, số liền sau lớn hơn số liền trước.-GV nhận xét ,bổ sung | - HS nêu yêu cầu bài tập.-HS làm bài-HS khác nhận xét.-HS chơi |  |
| ***2’*** | **C. CỦNG CỐ-DẶN DÒ**-GV nhận xét, tuyên dương- Nhận xét bài học tiết học, chuẩn bị bài sau. | -HS lắng nghe |  |

**IV. Điều chỉnh bổ sung sau tiết dạy:**

………………………………………………………………………………………………………….………………………………………………………………………………………………………….…………………………………………………………………………………………………